

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2020

Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nông Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh và chị Triệu Thị H được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi cưới có quen biết nhau và được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Quá trình chung sống được khoảng 01 năm tình cảm vợ chồng bình thường, chưa xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng đến tháng 05/2014 thì chị Triệu Thị H đi làm thuê tại thành phố L, được một thời gian thì bỏ đi không quay về chung sống với anh nữa. Anh đã tìm mọi biện pháp thuyết phục chị về

đoàn tụ nhưng chị Triệu Thị H không về nữa và cắt đứt liên lạc với anh được hai năm nay, tuy vậy anh vẫn quan tâm đến bên nhà ngoại làm tròn trách nhiệm con cái trong gia đình, nhưng chị Triệu Thị H không còn quan tâm đến anh. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Triệu Thị H.

Về con chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Về tài sản chung: Từ khi kết hôn đến nay, anh vẫn sống phụ thuộc bố, mẹ, vợ chồng chưa tạo lập được tài sản gì có giá trị, nhà cửa, đất đai đều của bố, mẹ, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi kết hôn vợ chồng có một đôi nhẫn cưới nhưng chị Triệu Thị H đã đem theo, anh yêu cầu chị Triệu Thị H trả lại một đôi nhẫn cưới, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ anh rút yêu cầu này.

Bị đơn chị Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai ngày 20/6/2020 trình bày: Chị và anh Nông Văn Đ tổ chức cưới từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V. Do không được tìm hiểu nên trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể hòa hợp, nên không thể chung sống với nhau được. Nay xác định vợ chồng không có tình cảm, anh Nông Văn Đ xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và vay nợ chung: Không có.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ. Do bị đơn là chị Triệu Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng không đến tham gia phiên hòa giải và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án đã làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án, nay có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định của pháp luật. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nông Văn Đ.

Về con chung, nợ chung, tài sản chung: không đề cập xem xét do nguyên đơn không có yêu cầu. Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ và chị Triệu Thị H được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Từ năm 2014 chị Triệu Thị H bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Nay anh Nông Văn Đ xin ly hôn chị Triệu Thị H là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị H cũng đồng ý ly hôn, nhưng do chị Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và nợ chung: không có, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn Đ yêu cầu chị Triệu Thị H trả lại một đôi nhẫn cưới, nhưng chưa làm thủ tục thụ nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án chưa thụ lý đối với yêu cầu này, nay anh Nông Văn Đ không yêu cầu là tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 25; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn Đ được ly hôn với chị Triệu Thị H.

2. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Nông Văn Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/03958 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
 - VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
 - CCTHADS Văn Quan, T. Lạng Sơn.
 - UBND xã B, H. V, tỉnh Lạng Sơn
- (Nơi đăng ký kết hôn).
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
 - Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước

